

Số: 1354/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 04 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của
Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1272/2020/TLST-HNGĐ
ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”,
gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị L; sinh năm: 1984; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Huy L; sinh năm: 1974; địa chỉ: Đường D, Phường E,
quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 166, quyển số: 01/99 của Ủy ban
nhân dân xã G, huyện H, tỉnh I cấp ngày 08 tháng 11 năm 2004, có cơ sở xác
định hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Huy L được xây dựng trên cơ
sở tự nguyện và là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia
đình.

[2] Theo đơn yêu cầu đề ngày 02/10/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ
không thành ngày 27/10/2020, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Huy L yêu cầu Tòa
án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn
Lê Hà P, sinh ngày: 16/4/2006 và Nguyễn Huy K, sinh ngày: 08/02/2009. Cả
hai thỏa thuận, sau khi ly hôn, ông Nguyễn Huy L được quyền trực tiếp nuôi
dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị
L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con mỗi tháng là 5.000.000

(Năm triệu) đồng cho đến khi các trẻ Hà P và Huy K lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/11/2020; về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Huy L thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 166, quyển số: 01/99 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh I cấp ngày 08 tháng 11 năm 2004 hết hiệu lực)

- Về con chung: Ông Nguyễn Huy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Lê Hà P, sinh ngày: 16/4/2006 và Nguyễn Huy K, sinh ngày: 08/02/2009 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con mỗi tháng là 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi các trẻ Hà P và Huy K lần lượt đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/11/2020.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Huy L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Lê Thị L và ông Nguyễn Huy L đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0027138 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã G, huyện H, tỉnh I;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Tuyết Mai